**PHIẾU ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**MÔN TIẾNG VIỆT KHỐI 3 – NĂM HỌC 2019 – 2020**

**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

**I. Đọc thầm đoạn văn sau: (25 phút)**

**Chuyện của loài kiến**

Xưa kia, loài kiến chưa sống thành đàn. Mỗi con ở lẻ một mình, tự đi kiếm ăn. Thấy kiến bé nhỏ, các loài thú thường bắt nạt. Bởi vậy, loài kiến chết dần chết mòn.

Một con kiến đỏ thấy giống nòi mình sắp bị diệt, nó bò đi khắp nơi, tìm những con kiến còn sống sót, bảo:

– Loài kiến ta sức yếu, về ở chung, đoàn kết lại ta sẽ có sức mạnh.

Nghe kiến đỏ nói phải, kiến ở lẻ bò theo. Đến một cây lớn, kiến đỏ lại bảo:

  –  Loài ta nhỏ bé, ở trên cây bị chim tha, ở mặt đất bị voi chà. Ta phải đào hang ở dưới đất mới được.

  Cả đàn nghe theo, cùng chung sức đào hang. Con khoét đất, con tha đất đi bỏ. Được hang rồi, kiến đỏ lại bảo đi tha hạt cây, hạt cỏ về hang để dành, khi mưa khi nắng đều có cái ăn.

  Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.

 **(*Theo* Truyện cổ dân tộc Chăm)**

*Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:*

**1. Xưa kia, loài kiến sống như thế nào?**

A. Sống theo đàn.

B. Sống theo nhóm.

C. Sống lẻ một mình.

**2. Kiến đỏ bảo những kiến khác làm gì?**

A. Về ở chung, sống trên cây, dự trữ thức ăn.

B. Về ở chung, đào hang, dự trữ thức ăn.

C. Về ở chung, đào hang, kiếm thức ăn hàng ngày.

**3. Qua bài đọc *Chuyện của loài kiến* khuyên chúng ta điều gì?**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**4.**Câu nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

A. Đàn kiến đông đúc.

B. Người đông như kiến.

C. Người đi rất đông.

**5.** **Gạch một gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì)?* trong câu văn sau:**

“Từ đó, họ hàng nhà kiến đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.”

**6. Đặt hai câu theo mẫu câu: Ai làm gì?**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**7. Đặt một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa?**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**II. Đọc thành tiếng: 4 điểm. (Thời gian đọc 1 phút và trả lời câu hỏi).**

HS bốc thăm và đọc một đoạn khoảng 50 – 60 tiếng/ phút và trả lời một câu hỏi một trong bài tập đọc từ tuần 9 đến 20.

**B. Kiểm tra viết (10 điểm).**

**1. Chính tả (nghe viết) ( 3 điểm)**

Bài viết: Viết đầu bài và đoạn Bài Người liên lạc nhỏ sách TV 3 tập 1 trang 112. “Sáng hôm ấy……..lững thững đằng sau.”

**2. Tập làm văn:** **(7 điểm)**

**Đề bài :**Hãy viết một đoạn văn ngắn ( từ 6 đến 10 câu) giới thiệu về tổ em và các bạn trong tổ.

Gợi ý:

– Tổ em gồm những bạn nào ?

– Mỗi bạn có đặc điểm gì hay ?

– Tháng vừa qua, các bạn làm được những việc gì tốt ?

– Tình cảm của em với các bạn trong tổ như thế nào ?

**HƯỚNG DẪN CHẤM PHIẾU ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**MÔN TIẾNG VIỆT KHỐI 3 – NĂM HỌC 2019 – 2020**

**PHẦN I. Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

**I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (6** **điểm)**

**1.** (0,5 điểm)Xưa kia, loài kiến sống như thế nào?

**C. Sống lẻ một mình.**

**2.** (0,75 điểm)Kiến đỏ bảo những kiến khác làm gì?

**B. Về ở chung, đào hang, dự trữ thức ăn.**

**3.** (1 điểm)Qua bài đọc *Chuyện của loài kiến* khuyên chúng ta điều gì?

**Qua câu chuyện chúng ta cần phải biết đoàn kết. Đoàn kết sẽ có sức mạnh.**

**4.**(0,75 điểm)Câu nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

**B. Người đông như kiến.**

**5.** (1 điểm)Gạch một gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì)?* trong câu văn sau:

“Từ đó, ***họ hàng nhà kiến***đông hẳn lên, sống hiền lành, chăm chỉ, không để ai bắt nạt.”

**6.** (1 điểm) Đặt hai câu theo mẫu câu: Ai làm gì?

(Đặt đúng mỗi câu được: 0,5đ)

VD: **Chúng em đang chơi bóng chuyền.**

**Bố em đang xem chương trình truyền hình trực tiếp giải Sao mai.**

**7.** (1 điểm) Đặt một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa?

(Đặt đúng câu theo yêu cầu được: 1đ)

VD: **Những chú chim Sơn ca đang hát và nhảy múa trên sân.**

**II. Kiểm tra đọc thành tiếng (4đ)**

**– Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1đ**

– Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1đ

– Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1đ

– Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1đ

**B. Kiểm tra viết (10đ)**

**1. Chính tả nghe – viết (3đ)**

– Tốc độ đạt yêu cầu: 1đ

– Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1đ

– Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1đ. (Sai 1 lỗi trừ 0,1đ, 2 lỗi trừ 0,25đ)

– Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1đ

**2. Tập làm văn (7đ)**

– *Nội dung*: **(4 điểm)**Viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu của đề bài và các gợi.

– *Kĩ năng*: **(3 điểm)**

+ Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1đ

+ Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1đ

+ Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1đ